TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **189**/2020/HSST
Ngày: 28/7/2020
Vv: Tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh B.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Công D - Cán bộ hưu trí.
Bà Huỳnh Thị Kim K - Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ TP.B.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đ – Thư ký tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:
Bà Nguyễn Thị Th - Kiểm sát viên

***

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 840/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2020/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Anh Th, sinh năm 1985.
- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 66, tổ 3, KP.Th, P.L, TP.B, tỉnh Đ.

(Bà Th có mặt, ông Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn trình bày :**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND P. L, Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2007 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vả, gây gỗ với nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay tuy vẫn sống chung một nhà nhưng bà Th và ông Th đã tự ý sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên bà Th làm đơn xin được ly hôn với ông Th để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc Thanh V, sinh ngày 22/3/2006 và Trịnh Ngọc Ng, sinh ngày 28/8/2007. Hiện cháu V và Ng đang sinh sống cùng bà Th và ông Th tại địa chỉ: 66, tổ 3, KP.Th, P.L, TP.B, tỉnh Đ. Ly hôn, bà Th xin nuôi hai cháu V và Ng và tạm thời không yêu cầu ông Thích cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Th trình bày:** Ông Th và bà Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường L, TP B, Đ năm 2003, có tổ chức đám cưới. Quá trình chung sống ông Th là người sống có trách nhiệm với gia đình nhưng do bà Th và ông Th có bất đồng quan điểm sống nên bà Th nộp đơn xin ly hôn ông. Do ông Th theo đạo công giáo nên ông không đồng ý ly hôn. Ông Th chỉ đồng ý ly hôn khi các con ông đủ 18 tuổi.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc Thanh V, sinh ngày 22/3/2006 và Trịnh Ngọc Ng, sinh ngày 28/8/2007. Hiện cháu V và Ng đang sinh sống cùng bà Th và ông Th tại địa chỉ: 66, tổ 3, KP.Th, P.L, TP.B, tỉnh Đ. Do ông Th không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Vks: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th ông Th kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND P. L, TP B, Đ, hôn nhân tự nguyện. Cả hai đều thừa nhận trong thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc sau đó bất đồng quan điểm sống. Bà Th làm đơn xin ly hôn ông Th không đồng ý là do ông Th theo đạo công giáo là không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th. Cho bà Th được ly hôn ông Th.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc Thanh V, sinh ngày 22/3/2006 và Trịnh Ngọc Ng, sinh ngày 28/8/2007. Hiện cháu V và Ng đang sinh sống cùng bà Th và ông Th tại địa chỉ: 66, tổ 3, KP.Th, P.L, TP.B, tỉnh Đ. Ly hôn bà Th xin nuôi cả hai cháu, tạm thời không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Ông Th không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến. Cháu V và cháu Ng đều có ý kiến xin ở với mẹ.

Xét ý kiến của bà Th, cháu V, cháu Ng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Giao cháu Trịnh Ngọc Thanh V, sinh ngày 22/3/2006 và Trịnh Ngọc Ng, sinh ngày 28/8/2007 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Th được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Th phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 55, 57, 81,82,83,84,110 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên xử: **Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Anh Th đối với ông Trịnh Văn Th.**

Cho bà Lê Thị Anh Th ly hôn ông Trịnh Văn Th.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trịnh Ngọc Thanh V, sinh ngày 22/3/2006 và Trịnh Ngọc Ng, sinh ngày 28/8/2007. Ly hôn giao cháu Trịnh Ngọc Thanh V và Trịnh Ngọc Ng cho bà Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Th được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Th phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0008608 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP B, Đ.

[5] Bà Th được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS ND TP B;
- Các đương sự;
- UBND P. L, B;
- Chi cục THADS TP B;
- Lưu;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh B